TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **48**/2025/HC-PT
Ngày 18/8/2025.
V/v khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**
Các Thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**
ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: ông **Lê Văn Thành**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 41/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 516/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Đỗ Khắc H - sinh năm 1955.

Địa chỉ: P khu tập thể X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H). Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Đỗ Khắc Hiền N - sinh năm 1982 và bà Đỗ Thị Thanh H1 - sinh năm 1984 (văn bản uỷ quyền ngày 26/11/2024 và ngày 03/6/2025).

Địa chỉ: P, khu tập thể X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H). Ông N, bà H1 có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Võ Thị H2 - sinh năm 1960; địa chỉ: P khu tập thể X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H). Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* ông Đỗ Khắc Hiền N - sinh năm 1982 (văn bản ủy quyền ngày 12/6/2023).

Địa chỉ: P khu tập thể X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H). Có mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Đỗ Khắc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Đỗ Khắc H trình bày:*

Ông cùng vợ là bà Võ Thị H2 là chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 26, địa chỉ tại: 1 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đó là P10/16 khu tập thể Xã T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nay thuộc phường P, thành phố H). Thửa đất được Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 749796, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 0009 QSD/1470-2001 01-020 ngày 04/6/2002 cho ông Đỗ Khắc H và bà Võ Thị H2. Trên đất có 01 nhà cấp III và 01 nhà cấp IV. Ngoài ra, còn có các tài sản khác là cây cối, lưới B40,...

Thửa đất nêu trên của gia đình ông H thuộc diện bị thu hồi theo Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) nhằm thực hiện dự án đầu tư bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành Huế. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành các Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022, Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022, Quyết định số 10574/QĐ-UB ngày 31/12/2022 liên quan đến các nội dung thu hồi đất và phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản gắn liền với đất. Ông H cho rằng trong các quyết định này có các nội dung thu hồi và bồi thường chưa chính xác, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Cụ thể như sau:

- Thứ nhất, về xác định diện tích đất thu hồi theo Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thu hồi toàn bộ thửa đất số 120, tờ bản đồ số 26 của gia đình ông với diện tích thu hồi là 155,1m². Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, thửa đất số 120, tờ bản đồ số 26, có diện tích là 157m². Sau nhiều lần ông có các

đơn đề nghị, khiếu nại gửi đến Trung tâm Phát triển quỹ đất và Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì theo Giấy mời số 30/GM- TTPTQĐ, cơ quan có thẩm quyền và gia đình ông H đã kiểm tra, đo đạc lại hiện trạng thửa đất vào ngày 09/02/2023. Sau khi đo đạc đã lập biên bản, kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc thửa đất, xác định diện tích thực tế là 168,6 m². Biên bản này có xác nhận của Trung tâm K, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H và Ủy ban nhân dân phường T. Như vậy, cần xác định diện tích đất thực tế thu hồi của gia đình ông là 168,6m². Việc Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân quận P, thành phố H) chỉ bồi thường với diện tích 155,1m² theo các quyết định là thiếu sót, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

- Thứ hai, về xác định vị trí đất thu hồi theo Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H xác định việc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho gia đình ông H như sau: bồi thường đất ở vị trí 2, loại đường E đường X. Ông H cho rằng việc xác định vị trí đất như trên là không chính xác vì những lý do sau:

Theo nội dung Nghị quyết số 3c-BT/1999/NQ-HĐND3 ngày 24/5/1999 của Hội đồng nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) về đặt tên một số đường ở thành phố H, thì đường Xã Tắc được xác định như sau: "Điểm đầu từ đường T đến điểm cuối gặp đường N, dài 300 mét, rộng 6 mét". Thực tế đo đạc hiện trạng khi đi vòng qua đàn Xã T, theo bản đồ địa chính 2007 - 2009 và theo ứng dụng Huế S (phiên bản ngày 16/11/2022) của Ủy ban nhân dân tỉnh T thì lộ trình đường Xã T có điểm đầu từ đường T, điểm cuối gặp đường N sẽ có mặt tiền đi qua thửa đất số 120, tờ bản đồ số 26 của gia đình ông H. Như vậy, nếu căn cứ Nghị quyết số 3c-BT/1999/NQ-HĐND3 ngày 24/5/1999 của Hội đồng nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) thì phải xác định vị trí lô đất mà gia đình ông H sở hữu là mặt tiền đường Xã T, chứ không phải đường kiệt thuộc đường X. Đến nay vẫn chưa có văn bản nào của cấp có thẩm quyền điều chỉnh hay huỷ bỏ Nghị quyết số 3c-BT/1999/NQ-HĐND3 ngày 24/5/1999.

Tại Giấy chứng nhận số nhà ngày 10/01/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có nội dung thể hiện rõ rằng trước ngày 10/01/2005 thì nhà ở của ông H trên thửa đất số 120, tờ bản đồ số 26 có địa chỉ là: P.10, dãy A đường X, phường T, thành phố H. Căn cứ các Biên lai thu thuế, thực tế từ năm 2006 đến năm 2011 thì gia đình ông H nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp với mức thuế tương đương với đất thuộc vị trí 1, nhưng không rõ lý do gì từ năm 2012 đến nay thì lại nộp thuế thấp hơn tương đương với vị trí 2. Tuy nhiên, gia đình ông H cũng không nhận được bất kỳ thông báo nào bằng văn bản về việc thay đổi mức thuế nêu trên để có ý kiến.

Như vậy, dựa trên những căn cứ trên, cần phải xác định vị trí đất thửa đất số 120, tờ bản đồ số 26 là mặt tiền đường Xã T1 và phải xác định là vị trí 1, loại đường 5A. Tuy nhiên, Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xác định thửa đất trên thuộc vị trí 2, loại đường E đường X là không có căn cứ.

- Thứ ba, về giá trị bồi thường quyền sử dụng đất theo Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) xác định việc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho gia đình ông H như sau:

Bồi thường đất ở vị trí 2, loại đường E đường X, diện tích 155,1m² với đơn giá là 3.388.000đồng/m², mức bồi thường 100% và hệ số điều chỉnh là 1.15. Tổng giá trị bồi thường về đất là 604.301.000đồng. Ông H cho rằng mức bồi thường như trên là chưa thoả đáng là không phù hợp với thực tế.

Về tổng diện tích đất thực tế mà Nhà nước thu hồi thuộc quyền sử dụng của gia đình ông H là 168,6m² (theo kết quả đo vẽ của của Trung tâm K ngày 09/02/2023). Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, cần phải bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế. Vì vậy, giá trị bồi thường phải tương ứng với diện tích đất là 168,6m².

Về đơn giá bồi thường là 3.388.000đồng/m², ông H cho rằng đơn giá này không hợp lý vì các lý do sau: thửa đất của gia đình ông có 02 mặt tiền, đường kiệt rộng 4,5m - 7,5m, ôtô đi vào dễ dàng. Tuy nhiên, lại chỉ được bồi thường với đơn giá 3.388.000đồng/m² thấp hơn rất nhiều so với các kiệt (dãy) khác cùng KTT Xã Tắc có bề rộng nhỏ hơn (chỉ rộng 1.5m đến dưới 2m). Điều này hết sức vô lý. Do đó, cần phải xác định vị trí thửa đất thuộc vị trí 1, loại đường 5A đường Xã T, từ đó xác định lại đơn giá bồi thường phù hợp.

- Thứ tư, về diện tích nhà ở giá trị bồi thường nhà ở trên đất theo Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H xác định việc bồi thường giá trị nhà ở như sau:

Đối với nhà cấp IV, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xác định có diện tích là 51,56m², Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế áp đơn giá là 3.371.000đồng/m², mức bồi thường, hỗ trợ 80%, hệ số điều chỉnh là 1.093.

Đối với nhà cấp III, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xác định có diện tích 20,74m² và áp đơn giá là 4.028.000đồng/m², mức bồi thường, hỗ trợ 80%, hệ số điều chỉnh là 1.093.

Ông H cho rằng mức bồi thường như trên là chưa thoả đáng là không phù hợp với thực tế bởi vì: đối với nhà cấp III, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xác định có diện tích là 20,74m² là không đúng, bởi thực tế hiện

trạng căn nhà này có diện tích 56m² và gia đình ông H đã sinh sống trên đó hàng chục năm. Trong quá trình sử dụng nhà đã xuống cấp, hư hại nên vào ngày 15/9/2010, gia đình ông H đã có đơn gửi Trung tâm B xin sửa chữa nhà, nhà bếp, gác chống lụt trên diện tích nên cũ 56m² và đã được Trung tâm B (trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh T) cho phép bằng văn bản số 820/BTDT-KV ngày 23/9/2010. Sau đó, ông H tiến hành sửa chữa nhà bếp, gác chống lụt với diện tích 20,74m², phần còn lại mở rộng phòng khách, lát gạch men hoa, liền mái, liền tường với phần nhà, nhà bếp và gác chống lụt. Tổng diện tích là 56m² bằng nền nhà cũ. Gia đình ông H với 07 nhân khẩu, đã sử dụng diện tích nhà nêu trên để sinh sống, sinh hoạt chung trong suốt hàng chục năm qua. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế chỉ xác định diện tích nhà là 20,74m² là chưa đủ, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình. Ông H cho rằng mức bồi thường trên là quá thấp và không phù hợp với giá trị nhà ở thực tế trên thị trường. Với mức bồi thường này thì gia đình ông H không thể đủ điều kiện để xây dựng lại nhà, không thể ổn định cuộc sống, yên tâm sản xuất được. Liên quan đến các vấn đề nêu trên, gia đình ông H đã có văn bản kiến nghị đến Ủy ban nhân dân thành phố H. Tuy nhiên, tại công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/02/2023, Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trả lời không chấp nhận yêu cầu của gia đình vì không có cơ sở. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND thành phố H.

- Huỷ Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND thành phố H.

- Huỷ Quyết định số 10574/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND thành phố H.

- Huỷ công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/02/2023 của UBND thành phố H.

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) trình bày:*

1. Cơ sở pháp lý thực hiện dự án Đầu tư Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H4 (di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 hệ thống di tích Kinh thành H thuộc quần thể di tích Cố đô Huế) - khu vực Đàn Xã T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế:

Căn cứ văn bản số 1771/TTg-CN ngày 10/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện di dời dân cư, giải phóng mặt bằng tại khu vực 1 hệ thống di tích Kinh thành H;

Căn cứ công văn số 222/TTg-CN ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung và áp dụng khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện di dời dân cư giải phóng mặt bằng tại khu vực I di tích Kinh thành Huế;

Căn cứ công văn số 637/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 04/02/2021 của Bộ T2 về việc điều chỉnh, bổ sung và áp dụng khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 hệ thống di tích Kinh thành H;

Căn cứ Tờ trình số 474/TTr-UBND ngày 18/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) về điều chỉnh, bổ sung và áp dụng khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1771/TTG-CN ngày 10/12/2018 để thực hiện di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 hệ thống Kinh thành Huế thuộc quần thể di tích Cố đô H;

Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) về phê duyệt dự án đầu tư Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H4;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) về thông qua danh mục bổ sung các công trình, dự án cần thu hồi đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố H;

Căn cứ Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) về phê duyệt điều chỉnh dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành (giai đoạn 1 Đề án di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 Kinh thành H);

Căn cứ Quyết định số 9227/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H về phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H (di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 hệ thống di tích Kinh thành H thuộc quần thể di tích Cố đô Huế) - khu vực Đàn X phường T, thành phố H;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 414/TB-UBND ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H (nay là quận P) để thực hiện dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H (di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 hệ thống di tích Kinh thành H thuộc quần thể di tích Cố đô Huế) - khu vực Đàn Xã T, phường T, thành phố H.

2. Quá trình thẩm định, phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với thửa đất tại địa chỉ phòng 10 dãy A khu tập thể X, phường T:

Kết quả thẩm định đối với thửa đất tại địa chỉ: phòng A dãy A khu tập thể X sau: "Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường T xác nhận tại Tờ khai nguồn gốc sử dụng đất, công trình kiến trúc ngày 10/5/2022: ông, bà Đỗ Khắc H - Võ Thị H2 được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận số T 749796 ngày 04/6/2002, diện tích tại Giấy chứng nhận là 157.0m² đất ở".

+ Bản đồ 202: 156.84m² - Đỗ Khắc H. GIS Hue: 155.1m² - Đỗ Khắc H.

+ Bản đồ diện tích hiện đang sử dụng giảm 1.9m² so với diện tích tại Giấy chứng nhận được cấp là do sai số đo đạc. Kết quả thẩm định, bồi thường: 155.1m² đất ở (mức 100%) đối với ông, bà Đỗ Khắc H - Võ Thị H2.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) đã ban hành Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, trong đó: thửa đất tại địa chỉ phòng 10 dãy 16 khu tập thể Xã Tắc thu hồi toàn bộ diện tích 155,1m², được bồi thường 155,1m² đất ở (mức 100%) đối với ông, bà Đỗ Khắc H - Võ Thị H2 với tổng số tiền là 1.018.715.000đồng (về đất: 604.301.000đồng, về tài sản và các khoản khác: 414.414.000đồng) và ban hành Quyết định số 4573/QD-UBND ngày 27/6/2022 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng đối với trường hợp của ông, bà Đỗ Khắc H - Võ Thị H2 tại thửa đất nêu trên.

Ngày 31/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) đã ban hành Quyết định số 10574/QĐ-UBND về phê duyệt phương án hỗ trợ và tái định cư của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, trong đó:

+ Ông, bà Đỗ Khắc H - Võ Thị H2 đủ điều kiện bố trí 01 lô đất tái định cư căn cứ nội dung điều chỉnh, bổ sung của khoản 1 Mục 3.4.2 của khung chính sách.

+ Ông, bà Đỗ Khắc Hiền N - Trương Thị Thùy L không đủ điều kiện bố trí tái định cư theo căn cứ khoản 2 Mục 3.4.2 của khung chính sách, lý do chỉ có 01 nhân khẩu sinh sống tại thửa đất thu hồi.

Ngày 22/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H) đã ban hành Quyết định số 10107/QĐ-UBND về phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản và cây trồng gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án. Trong đó, phê duyệt đối với ông, bà Đỗ Khắc H - Võ Thị H2, địa chỉ: phòng A dãy A khu tập thể Xã Tắc được bồi thường, hỗ trợ với tổng giá trị là 11.514.000đồng.

3. Các nội dung liên quan đến công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H): ngày 16/11/2022,

ông Đỗ Khắc H đã đến làm việc tại buổi tiếp công dân của thành phố H (số A đường L, phường X, thành phố H. Tại buổi làm việc, ông H kiến nghị giải quyết các nội dung ông H nêu tại đơn kiến nghị đề ngày 21/12/2022. Tại Đơn nêu trên, ông H kiến nghị điều chỉnh thửa đất thu hồi thuộc vị trí 1 đường Xã T. Tại nội dung Nghị quyết 3c/2019/HĐND, đường X có điểm đầu từ đường T đến điểm cuối gặp đường N, dài 300 mét, rộng 6 mét.

Theo đó, qua quá trình rà soát, kiểm tra thực tế và căn cứ các nội dung có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố H đã có công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/02/2023 trả lời cho ông H được rõ.

Ủy ban nhân dân thành phố H nhận thấy: ông, bà Đỗ Khắc H - Võ Thị H2 là đối tượng bị thu hồi đất thuộc phạm vi thực hiện dự án bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H (di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 hệ thống di tích Kinh thành H thuộc quần thể di tích Cố đô Huế) - khu vực Đàn Xã T, phường T, thành phố H. Các Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022, số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 và Quyết định số 10574/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H là các Quyết định hành chính cá biệt để thực hiện các nội dung liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân có liên quan, trong đó có ông, bà Đỗ Khắc H - Võ Thị H2 theo quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh T và khung chính sách được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại công văn số 1771/TTg-CN ngày 10/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện di dời dân cư, giải phóng mặt bằng tại khu vực 1 hệ thống di tích kinh thành Huế, công văn số 222/TTg-CN ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố bổ sung và áp dụng khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện di dời dân cư giải phóng mặt bằng tại khu vực I di tích Kinh thành H, công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/2/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành là để trả lời các nội dung kiến nghị của ông H tại đơn kiến nghị đề ngày 21/12/2021 theo đúng nội dung quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

Từ những nội dung nêu trên, việc ông H yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022, Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022, Quyết định số 10574/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 và công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H là không có cơ sở. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân phường P) đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206, Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 74, Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 9 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 12, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 20 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; khoản 1 Điều 14 Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố H). Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Khắc H yêu cầu hủy Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng; Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H (di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực I hệ thống di tích Kinh thành Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế) - khu vực Đàn X phường T, thành phố H (đợt 2); Quyết định số 10574/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ, phương án bố trí tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thực hiện dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H - khu vực Đàn Xã T, phường T, thành phố H (đợt 2); công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/2/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc đơn của Đỗ Khắc H.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/5/2025, người khởi kiện ông Đỗ Khắc H kháng cáo và ngày 19/5/2025, ông Đỗ Khắc H kháng cáo bổ sung với cùng nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện ông Đỗ Khắc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4573/QĐ-UBND, Quyết định số 4420/QĐ-UBND, Quyết định số 10574/QĐ-UBND, công văn số 686/UBND-GPMB và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Khắc H, giữ

nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 15/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Đỗ Khắc H trình bày: ông không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, thẩm định tại chỗ nữa và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Khắc H, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Hộ gia đình ông Đỗ Khắc H - bà Võ Thị H2 là chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 26, diện tích 157m², mục đích sử dụng: đất ở, địa chỉ tại: số A đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là P, khu tập thể Xã T, phường P, thành phố H), được Ủy ban nhân dân thành phố H (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 749796 ngày 04/6/2002. Tại Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022, Ủy ban nhân dân thành phố H (cũ) đã quyết định thu hồi diện tích đất 155,1m² do ông H, bà H2 sử dụng tại thửa đất số 120 nêu trên để thực hiện dự án bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H - khu vực Đàn Xã T, phường T, thành phố H. Tại Quyết định số 10395/QĐ-UBND ngày 23/11/2023, Ủy ban nhân dân thành phố H (cũ) đã phê duyệt bổ sung diện tích đất được bồi thường của gia đình ông H từ 155,1m² đất thành 157m² đất. Tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 13/02/2023 do Trung tâm K lập thể hiện: thửa đất ông H sử dụng có diện tích đo đạc thực tế 168,6m² đất. Do đó, ngày 29/5/2024, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 4955/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố H đã điều chỉnh diện tích đất thu hồi từ 155,1m² đất thành thu hồi 168,6m² đất là đúng quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[2.2] Đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H về phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất, trong đó có hộ ông H và bà H2, Hội đồng xét xử thấy:

[2.2.1] Về vị trí thửa đất bị thu hồi: tại thời điểm ban hành Nghị quyết 3c-BT/1999/NQ-HĐND ngày 24/5/1999 của Hội đồng nhân dân tỉnh T (cũ) thì hiện trạng đường X là một đường thẳng, có điểm đầu là đường Trần Nguyên H3 và điểm cuối là đường N. Năm 2008, Nhà nước khôi phục Đàn Xã Tắc và vị trí Đàn Xã Tắc nằm giữa tuyến đường chia đường Xã Tắc làm hai phần: từ mặt trước Đàn đến đường T và từ mặt sau Đàn đến đường N. Đường X đã được cắm biển tên đường từ điểm đầu giao với đường T và điểm cuối đường N, được rải thảm bê tông nhựa nóng. Đối với các tuyến đường bê tông xi măng do Nhà nước và nhân dân cùng làm thực tế là đường nội bộ thuộc khu tập thể Xã T. Vị trí thửa đất của hộ ông H được đánh số nhà: phòng 10, dãy 16 khu tập thể Xã T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố H (cũ) cấp ngày 04/6/2002 thể hiện thửa đất cấp cho ông H, bà H2 có địa chỉ: 1 đường T, mặt tiền tiếp giáp với lối đi, không giáp mặt tiền đường phố. Tại văn bản số 3853/CCT-KTNDP ngày 28/8/2023 của Chi cục Thuế thành phố H xác định gia đình ông H kê khai nộp thuế vị trí 2. Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 21/02/2012, phần xác định của cơ quan chức năng cũng ghi vị trí hạng 2 và từ thời điểm kê khai cho đến sau này, gia đình ông H không có ý kiến gì liên quan đến việc nộp thuế cũng như số tiền nộp thuế. Việc ông H cho rằng thửa đất số 120 có vị trí 1 là không có căn cứ. Vì vậy, Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 bồi thường đất ở vị trí 2, loại đường 5A đường Xã Tắc cho hộ ông H, bà H2 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 14 của Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (cũ) về Ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2.2.2] Đối với yêu cầu đền bù giá trị ngôi nhà ở cấp III của ông H với diện tích 56m^2, Hội đồng xét xử thấy: ông H trình bày rằng do nhà đã xuống cấp, hư hại nên ngày 15/9/2010, ông có đơn gửi Trung tâm B xin sửa chữa nhà, nhà bếp, gác chống lụt trên diện tích nền cũ 56m^2 và được cho phép bằng văn bản số 820/BTDT-KV ngày 23/9/2010. Xét văn bản số 820/BTDT-KV ngày 23/9/2010 của Trung tâm B không thể hiện cụ thể về diện tích 56m^2 mà gia đình ông H được phép sửa chữa, hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích nhà của ông H là 56m^2. Quá trình kiểm kê tài sản có trên đất thu hồi, ông H ký biên bản xác nhận nhà cấp III có diện tích 20,74m^2, phần còn lại là mái che. Do đó, việc ông H đề nghị xác định mái che là nhà cấp III để từ đó công nhận nhà cấp III của ông có diện tích 56m^2 là không có cơ sở. Mặt khác, văn bản số 820 thể hiện: khi Trung tâm B có kế hoạch mở rộng, phục hồi khu di tích Đàn Xã Tắc, thực hiện giải toả thì gia đình ông H phải chấp hành mọi quy định của Hội đồng giải toả và không được đòi hỏi chi phí đền bù sửa chữa này. Do đó, Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H đền bù giá trị ngôi nhà cấp III diện tích 20,74m^2 cho hộ gia đình ông H là đúng.

[2.2.3] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy: Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi của ông H, bà H2 diện tích 168,6m^2 đất nhưng chỉ bồi thường diện tích 157m^2 đất mà không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 11,6m^2 đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, huỷ Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H để ban hành lại cho đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu huỷ Quyết định số 10574/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H, Hội đồng xét xử thấy: Ủy ban nhân dân thành phố H đã phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ, phương án bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, trong đó: bố trí 01 lô đất tái định cư cho hộ ông H, bà H2; riêng ông Đỗ Khắc Hiền N không đủ điều kiện bố trí tái định cư do chỉ có 01 nhân khẩu sinh sống tại thửa đất thu hồi (bà Trương Thị Thùy L không ở cùng ông N), là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với kháng cáo yêu cầu huỷ công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H thì thấy rằng: công văn số 686 trả lời kiến nghị của ông H theo đơn kiến nghị đề ngày 21/12/2021 và Ủy ban nhân dân thành phố H khẳng định: thửa đất của ông H thuộc vị trí 2, loại đường 5A, Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 bồi thường với vị trí đất nói trên là đúng. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành công văn số 686 là có căn cứ, đúng quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu huỷ công văn này của ông H.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Khắc H về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H (cũ); không chấp nhận kháng cáo của ông H về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022, Quyết định số 10574/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 và công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H (cũ). Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: do nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Khắc H được chấp nhận một phần nên ông H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Khắc H, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 15/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Huế.

Áp dụng Điều 74, Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 12, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 14 Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H); khoản 2 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Khắc H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H4 (di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực I hệ thống di tích Kinh thành Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế) - khu vực Đàn X phường T, thành phố H (đợt 2).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Khắc H về việc yêu cầu Toà án huỷ các Quyết định, văn bản sau đây:

- Huỷ Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng;

- Huỷ Quyết định số 10574/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ, phương án bố trí tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thực hiện dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống Kinh thành H - khu vực Đàn Xã T, phường T, thành phố H (đợt 2);

- Huỷ công văn số 686/UBND-GPMB ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc đơn của ông Đỗ Khắc H.

3. Án phí phúc thẩm: ông Đỗ Khắc H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND Tp. Huế;
- VKSND Tp. Huế;
- THA dân sự Tp. Huế;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên